

Cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu – những gợi suy cho các hoạt động nghiên cứu và hoạch định chính sách

Trần Nam Thắng, Ngô Trí Dũng, Nguyễn Văn Hoàng

Giới thiệu:

Theo các nghiên cứu ở Việt Nam, nhiệt độ trung bình năm đã tăng khoảng 0,7⁰C, mực nước biển đã dâng khoảng 0,20 m trong vòng 50 năm qua. Các hiện tượng do ảnh hưởng của El-Nino, La-Nina ngày càng tác động mạnh mẽ đến Việt Nam. BĐKH thực sự đã làm cho các thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng ác liệt. Với sự dâng cao của mực nước biển, phần lớn diện tích đồng bằng ven biển sẽ bị tác động mạnh mẽ (MONRE, 2003, 2009).

Tháng 6 năm 2009, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã ban hành các kịch bản về biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên phạm vi các vùng sinh thái trong toàn quốc. Các kịch bản chủ yếu cung cấp những thông tin về các vấn đề biến đổi về nhiệt độ, lượng mưa và phân bố mưa cho từng vùng sinh thái của các năm tương lai đến năm 2100 trên các kịch bản phát thải thấp (B1), trung bình (B2, A1) và cao (A2) và khả năng nước biển dâng tại vùng ĐBSCL và Thành phố Hồ Chí Minh ở các kịch bản 65, 75 và 100 cm (MONRE, 2009).

BĐKH sẽ dẫn đến hiện tượng mất đất canh tác do nước biển dâng. Ngoài việc mất đất, di dân, các quá trình mặn hóa, phèn hóa cũng sẽ gia tăng làm giảm năng suất và sản lượng cây trồng. Các hiện tượng ngập lụt, hạn hán và bão tố sẽ gia tăng.

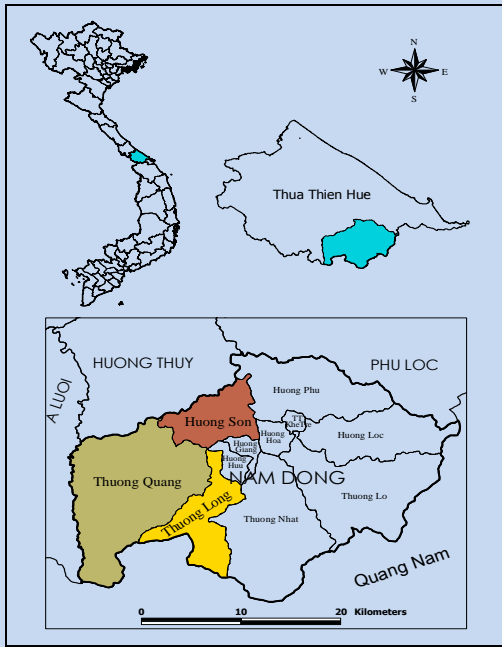
Thừa Thiên Huế là tỉnh nằm ở cực nam của khu vực bắc trung bộ với chiều rộng trung bình 60 km, chiều dài 127 km với địa hình đa dạng bao gồm gò đồi, đồng bằng duyên hải và đầm phá ven biển. Do nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa với lượng mưa và cường độ mưa vào loại cao nhất Việt Nam, tập trung chủ yếu vào một số tháng mùa mưa (T8 – T11) nên Thừa Thiên Huế thường bị lũ lụt và xói lở nghiêm trọng. Ngoài ra 127 km bờ biển tiếp giáp với ỏ bão Tây bắc Thái Bình Dương, là ỏ

bão lớn nhất hành tinh, hàng năm Thừa thiên huế chịu tác động trung bình của 6 cơn bão/năm.

Theo diễn biến thực tế, các thông số biến đổi khí hậu như nhiệt độ, ẩm độ, gió, mưa... thường xảy ra chậm và kéo dài nhiều năm, trong khi các hiện tượng thời tiết cực đoan hay thiên tai bất thường như bão tố, lũ lụt, hạn hán sóng thần mà có liên quan trực tiếp đến sự nóng lên toàn cầu sẽ xảy ra với cường độ mạnh hơn và tần suất xuất hiện lớn hơn như là một tác động kiểu cộng hưởng.

Khu vực nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành tại thôn 7, thôn 1 xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là xã và thôn có tỷ lệ cao của người đồng bào dân tộc Katu, với truyền thống lâu đời sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Người dân địa phương được tái định cư ở đây theo chương trình định canh định cư của nhà nước từ sau năm 1975. Với việc định canh định cư, các hoạt động đốt nương làm rẫy đã giảm hẳn, người dân địa phương đã học cách trồng lúa nước, thay đổi tập tục từ săn bắt hái lượm sang canh tác thâm canh hoa màu. Hiện tại, phần lớn người dân địa phương đang sinh sống gần và xung quanh rừng. Họ vẫn tiếp tục khai thác các sản phẩm từ rừng cho cuộc sống hàng ngày. Từ năm 2005, diện tích rừng tự nhiên xung quanh khu vực sinh sống của họ được giao cho cộng đồng trực tiếp quản lý, bảo vệ, và hưởng lợi. Tuy nhiên, phần lớn diện tích rừng được giao cho cộng đồng là rừng nghèo kiệt và suy thoái (Sunderlin 2006, Balooni và Inoue 2007, Ngo và Webb 2007), làm giảm động lực của họ trong hoạt động quản lý, bảo vệ. Điều này có thể là lý do dẫn đến thu nhập trung bình từ rừng của người dân địa phương giảm một cách đáng kể từ 18% năm 2004 xuống còn 8% vào năm 2009 (Thang và nnk, 2010).



Bản đồ 1: Bản đồ khu vực nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu và kiến nghị:

Phần lớn người dân địa phương ở khu vực nghiên cứu là các hộ nghèo với trình độ dân trí thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động canh tác và sinh kế của người dân địa phương về lâu dài. Người dân địa phương có trung bình 5 người/hộ. Do điều kiện địa lý tự nhiên và truyền thống, họ chủ yếu sử dụng các công cụ đơn giản cho hoạt động sản xuất của mình.

Tác động của Biến đổi khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất của người dân địa phương là khá rõ rệt. Tuy nhiên, việc thiếu các dữ liệu, số liệu về hiện trạng thời tiết của khu vực gây ra khá nhiều khó khăn cho việc đánh giá thực trạng của biến đổi khí hậu cũng như việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch cho tương lai của khu vực.

Truyền thống sinh hoạt, canh tác của người dân đôi khi trở thành lực cản của hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu: ví dụ như việc không có các hoạt động bảo tồn đất và nước khi canh tác trên đất dốc, không có các biện pháp cải tạo đất (bón phân, làm đất thích hợp) làm giảm chất lượng tài nguyên đất trên khu vực, dẫn đến việc suy thoái tài nguyên và ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân địa phương.

Người dân địa phương đã có những nhận thức khá tích cực, chủ động trong việc nhận diện những thay đổi trong điều kiện thời tiết, khí hậu cũng như các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động sản xuất của mình như thay đổi lịch mùa vụ (xê dịch thời gian để tránh mưa lũ, hạn hán), thay đổi kỹ thuật canh tác, phòng chống sâu bệnh

hại và sử dụng các công nghệ mới trong hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, rất khó để có thể phân định rạch ròi những thay đổi nào là thích ứng trực tiếp với biến đổi khí hậu và những thay đổi nào là do tác động gián tiếp. Một số sự thích ứng gián tiếp có thể thấy được như sự thay đổi thời tiết tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển, do đó người dân địa phương thay đổi phương thức chăn nuôi gia súc hoặc bố trí cơ cấu cây trồng để hạn chế tình trạng sâu bệnh.

Nguồn tài nguyên tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất, nâng cao thu nhập hộ gia đình, giảm thiểu nguy cơ của các thảm họa tự nhiên. Tuy nhiên, những nguồn tài nguyên này đang dần bị suy thoái và gây khó khăn cho việc phục hồi do hiệu quả quản lý thấp, đặc biệt là tài nguyên rừng và tài nguyên đất trên khu vực.

Hiện tại, nguồn tài nguyên rừng cộng đồng được đặt ở ưu tiên thấp của người dân địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Người dân địa phương quan tâm nhiều đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc bởi vì những hoạt động này bị tác động rất mạnh bởi biến đổi khí hậu so với rừng tự nhiên.

Sự phụ thuộc thấp vào tài nguyên rừng của các cộng đồng có truyền thống phụ thuộc tài nguyên rừng ẩn chứa những gợi suy cho việc hoạch định quản lý tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Tài nguyên rừng không còn thực sự là môi quan tâm hàng đầu của người dân địa phương (mức độ phụ thuộc vào tài nguyên rừng ngày càng giảm)
- Lãng phí tài nguyên: tài nguyên rừng giao cho người dân quản lý bảo vệ chưa được khai thác một cách thực sự hiệu quả.
- Chính sách giao đất giao rừng và hỗ trợ sau giao rừng chưa thực sự phù hợp.
- Tác dụng đệm của hệ sinh thái rừng tự nhiên chưa được phát huy trong điều kiện và bối cảnh của biến đổi khí hậu.

Một số nhân tố ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương của hộ gia đình và cộng đồng: tình trạng kinh tế hộ, mức độ phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Bên cạnh đó, các tài sản và sự phát triển cơ sở hạ tầng, sức khỏe và dinh dưỡng, sự đa dạng trong sinh kế, trình độ học vấn của người dân, và sự tiếp cận với các phương tiện thông tin truyền thông và các chương trình giáo dục đào tạo của người dân địa phương cũng góp phần làm thay đổi tình trạng dễ bị tổn thương của người dân địa phương.

Phần lớn các hoạt động thích ứng của người dân địa phương đối phó với biến đổi khí hậu là từ những kinh nghiệm từ chính bản thân họ hoặc họ học hỏi được từ những người xung quanh. Hiện tại trên khu vực, vẫn chưa có một chương trình/dự án nào từ chính phủ, chính quyền địa phương để hỗ trợ, chỉ bảo cho người dân làm sao để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu cả trong sinh hoạt hàng ngày và các hoạt động sản xuất. Sự tập trung, chuẩn bị, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu của chính phủ, vùng và tỉnh chủ yếu cho khu vực đầm phá và duyên hải ven biển, chưa có sự nghiên cứu, xem xét, hỗ trợ cho người dân ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, đây chính là điểm cần được quan tâm hơn nữa trong việc thực thi và ban hành chính sách ở quy mô quốc gia cũng như khu vực.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị như sau:

Cần có thêm nhiều nghiên cứu sâu để có thể đo đếm chính xác, theo dõi những nhân tố khí hậu và xem xét cụ thể mức độ tác động của nó thế nào đến người dân địa phương. Điều này sẽ có tác dụng cho chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu trong điều kiện cụ thể của địa phương.

Xóa đói giảm nghèo là công việc rất quan trọng trong việc giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của người dân địa phương. Việc đa dạng sinh kế là định hướng bền vững cho kinh tế hộ gia đình, trên cơ sở đó làm cho họ trở nên có khả năng phục hồi tốt hơn với tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa tự nhiên.

Cần có những cuộc tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực về biến đổi khí hậu, đặc biệt là đối với những vùng dễ bị tổn thương. Việc đối thoại cần được tổ chức thường xuyên giữa người dân địa phương, chính quyền và các chuyên gia về thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhất với khu vực.

Việc tư liệu hóa và nhân rộng các kiến thức truyền thống về dự báo thảm họa, thích ứng với biến đổi khí hậu là rất cần thiết để phát huy được tri thức truyền thống, tăng cường sự tham gia và vai trò của người dân địa phương cũng như làm giảm thiểu thiệt hại về con người và của cải vật chất.

Cần có sự quan tâm sâu sắc của chính phủ, chính quyền địa phương trong việc hoạch định chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu ở cấp cơ sở, các chính sách về giao đất, giao rừng và các hoạt động hỗ trợ sau giao rừng phải sát thực tế để người dân địa phương thực sự là chủ của diện tích rừng được giao và là người được hưởng lợi từ chính sách và việc triển khai chính sách trong thực tế.

Tài liệu tham khảo:

1. MONRE, 2003, The initial statement of Vietnam for International Convention on climate change
2. MONRE, 2009, Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam, Bộ Tài Nguyên và Môi trường
3. Ngo, T. D., Webb, E. L. 2008. Incentives of the forest land allocation process: implications for forest management in Nam Dong district, Central Vietnam. In: Webb, Edward and Ganesh P. Shivakoti. (ed.) Decentralization, Forests and Rural Communities: Policy Outcomes in South and Southeast Asia. Sage Publications—New Delhi/Thousand Oaks/London.
4. Pamela McElwee 2010, The Social Dimensions of Adaption to Climate Change in Vietnam.
5. Sunderlin, W. D. 2006. Poverty alleviation through community forestry in Cambodia, Laos, and Vietnam: An assessment of the potential. Forest Policy and Economics 8: 386– 396.
6. Thang, Tran Nam, Ganesh P. Shivakoti and Makuto Inoue (2010) Change in property rights, forest use and forest dependency of Katu communities in Nam Dong district, Thua Thien Hue province, Vietnam. International Forestry Review. 12(4) 307-319.

Địa chỉ liên hệ:

Trần Nam Thảng: trannamthang@gmail.com

Ngô Trí Dũng: dzungtringo@gmail.com

Nguyễn Văn Hoàng: hoangqlr42@gmail.com

Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Quản lý tài nguyên (CORENARM) 38 Nguyễn Cư Trinh, Thành phố Huế

ĐT/Fax: (84-54) 3539229/362 3600

Email: corenarm@gmail.com

Website: www.corenarm.org.vn

Lời cảm ơn:

Sự hỗ trợ về kinh phí của APN và hoạt động điều phối dự án nghiên cứu của tổ chức ForestAction Nepal đóng vai trò quyết định cho việc hoàn thiện bản tin này. Những quan điểm trong bản tin là của các tác giả nêu trên, không nhất thiết quan điểm của Trung tâm CORENARM.